

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ CẤP BÙ THỦY LỢI PHÍ NĂM 2025 CHO CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(kèm theo Tờ trình số /TTr-NNPTNT ngày tháng 02 năm 2025 của Phòng Nông nghiệp và PTNT)

TT	Khoản mục	Tổng số tiền theo hợp đồng		Biện pháp Trọng lực			Biện pháp Động lực			Biện pháp trọng lực kết hợp động lực		
		Diện tích (ha)	Tiền (Tr.đ)	Diện tích miễn(ha)	Mức bù	Tiền (Tr.đ)	Diện tích miễn(ha)	Mức bù	Tiền (Tr.đ)	Diện tích miễn(ha)	Mức bù	Tiền (Tr.đ)
*	Tổng Cộng	2,515.033	2,787.512	1,410.456		1,343.204	1,067.177		1,414.622	37.400		29.686
1	Cây lúa	2,308.422	2,686.434	1,330.156		1,311.534	961.866		1,355.269	16.400		19.631
2	Rau màu	206.611	101.078	80.300		31.670	105.311		59.353	21.000		10.055
I	HTX/NN Hành Nhân	418.300	436.547	185.380		159.002	232.920		277.545	-		-
1	Cây lúa	318.200	386.933	145.180	0.986	143.147	173.020	1.409	243.785	-		-
2	Rau màu	100.100	49.615	40.200	0.394	15.855	59.900	0.564	33.760	-		-
II	HTX/NN Hành Dũng	307.570	340.903	218.590		215.530	88.980		125.373	-		-
1	Cây lúa	307.570	340.903	218.590	0.986	215.530	88.980	1.409	125.373	-		-
2	Rau màu	-	-		0.394			0.564				
III	HTX/NN Hành Thiện	551.280	775.214	3.640		3.589	547.640		771.625	-		-
1	Cây lúa	551.280	775.214	3.640	0.986	3.589	547.640	1.409	771.625			
2	Rau màu	-	-		0.394			0.564				
IV	HTX NN Hành T. Đông	329.400	330.739	133.100		107.513	158.900		193.540	37.400		29.686
1	Cây lúa	232.400	284.636	93.000	0.986	91.698	123.000	1.409	173.307	16.400	1.197	19.631
2	Rau màu	97.000	46.103	40.100	0.394	15.815	35.900	0.564	20.233	21.000	0.479	10.055
V	HTX NN Hành T. Tây	337.337	336.273	309.680		305.344	27.657		30.928	-		-
1	Cây lúa	327.826	330.912	309.680	0.986	305.344	18.146	1.409	25.568	-		-
2	Rau màu	9.511	5.360		0.394	-	9.511	0.564	5.360			
VI	HTX NN Hành Thịnh II	71.220	70.223	71.220		70.223	-		-	-	-	-
1	Cây lúa	71.220	70.223	71.220	0.986	70.223		1.409	-	-		-
2	Rau màu	-	-		0.394	-		0.564	-			-
VII	HTX NN Hành Phước	147.616	145.549	147.616		145.549	-		-	-		-
1	Cây lúa	147.616	145.549	147.616	0.986	145.549		1.409	-	-		-
2	Rau màu	-	-		0.394			0.564				
VIII	HTX NN Hành Trung	82.400	81.246	82.400		81.246	-		-	-		-

TT	Khoản mục	Tổng số tiền theo hợp đồng		Biện pháp Trọng lực			Biện pháp Động lực			Biện pháp trọng lực kết hợp động lực		
		Diện tích (ha)	Tiền (Tr.đ)	Diện tích miễn(ha)	Mức bù	Tiền (Tr.đ)	Diện tích miễn(ha)	Mức bù	Tiền (Tr.đ)	Diện tích miễn(ha)	Mức bù	Tiền (Tr.đ)
1	Cây lúa	82.400	81.246	82.400	0.986	81.246		1.409	-	-		-
2	Rau màu	-	-		0.394			0.564	-			
IX	HTX NN Kỳ Thọ H. Đức	59.980	59.140	59.980		59.140			-	-		-
1	Cây lúa	59.980	59.140	59.980	0.986	59.140		1.409	-	-		-
2	Rau màu	-	0		0.394			0.564	-			-
X	HTX NN Hành Thuận	95.056	93.725	95.056		93.725	-		-	-		-
1	Cây lúa	95.056	93.725	95.056	0.986	93.725		1.409	-	-		-
2	Rau màu	-	-		0.394	-		0.564	-			-
XI	HTX NN Long Phú Hành	103.794	102.341	103.794		102.341	-		-	-		-
1	Cây lúa	103.794	102.341	103.794	0.986	102.341		1.409	-	-		-
2	Rau màu	-	-		0.394	-		0.564				
XII	HTX NN Bình Phú	11.080	15.612	-		-	11.080		15.612	-	-	-
1	Cây lúa	11.080	15.612		0.986	-	11.080	1.409	15.612			
2	Rau màu	-	-		0.394	-		0.564				